

TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ DI CƯ CỦA NGƯỜI NÔNG DÂN

LƯƠNG NGỌC THÚY*

PHAN ĐỨC NAM**

1. Đặt vấn đề

Biến đổi khí hậu (BĐKH) là một trong những thách thức lớn nhất đối với nhân loại trong thế kỷ 21. Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia bị tác động mạnh mẽ nhất do BĐKH. BĐKH làm tăng khả năng bị tổn thương và tạo nguy cơ làm chậm hoặc đảo ngược quá trình phát triển (Bộ Tài Nguyên và Môi trường, 2008).

Việt Nam với đặc thù hơn 70% dân cư sống bằng nghề nông nghiệp, BĐKH sẽ tác động trước hết và trực tiếp đến nền sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, BĐKH tác động đến các nhóm xã hội ở các chiều cạnh khác nhau, trong đó có vấn đề di cư. Theo Trung tâm Giám sát dịch chuyển dân số trong nước (IDMC, 2013), với hơn 1 triệu người phải di dời nơi sinh sống trong giai đoạn 2008-2012, Việt Nam đứng hàng thứ 17 trong số 82 quốc gia có số người di trú lớn nhất do thiên tai (UNDP, 2014). Nhận thức đầy đủ được sự tác động của BĐKH đến hoạt động sản xuất nông nghiệp và tình trạng di cư của người nông dân là điều có ý nghĩa hết sức quan trọng. Từ đó tìm ra các giải pháp có tính khả thi, ứng phó hiệu quả với BĐKH nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững. Bài viết này đề cập đến tác động của BĐKH đến hoạt động sản xuất nông nghiệp và vấn đề di cư của người nông dân Việt Nam.

2. Tác động của biến đổi khí hậu đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của người nông dân

Câu thành ngữ "Lụt thì lụt cả làng" cho thấy những ảnh hưởng tiêu cực của thiên nhiên tác động đến tất cả mọi người dân bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, những người nông dân gắn liền với sản xuất nông nghiệp là những người phải chịu nhiều thiệt thòi nhất. Ở Việt Nam, sinh kế chủ yếu của người nông dân lại phụ thuộc vào nông nghiệp, một lĩnh vực thường xuyên bị tác động bởi thiên tai.

2.1. Tác động của biến đổi khí hậu đến hoạt động trồng trọt

Việt Nam đặc thù là nước nông nghiệp, với hai vựa lúa lớn là đồng bằng Sông Hồng và đồng bằng Sông Cửu Long. BĐKH đe dọa nghiêm trọng đến an ninh lương

* ThS, Viện Xã hội học.

** ThS, Viện Xã hội học.

thực và phát triển nông nghiệp. Tác động của BĐKH đến trồng trọt qua các biểu hiện như mất diện tích canh tác, giảm năng suất, chất lượng nông sản, cùng với đó là tăng nguy cơ xuất hiện các loại dịch bệnh. Từ đó làm sụt giảm mạnh thu nhập từ trồng trọt. BĐKH cũng làm thay đổi quy luật của các con sông gây nên hạn hán, cũng như làm thay đổi điều kiện sinh sống của các loại sinh vật, làm mất đi hoặc thay đổi các mắt xích trong chuỗi thức ăn dẫn đến tình trạng biến mất của một số loài sinh vật và ngược lại xuất hiện nguy cơ gia tăng các loại dịch bệnh. Nhiệt độ tăng trong mùa đông sẽ tạo điều kiện cho sâu bọ có khả năng sinh sôi nhanh hơn và gây hại mạnh hơn. BĐKH cũng có thể làm phát sinh một số chủng, nòi sâu mới, gây hại không những trong sản xuất mà còn trong bảo quản nông sản, thực phẩm.

Những thay đổi của khí hậu sẽ dẫn đến sự biến đổi đặc tính của đất và ảnh hưởng đến sự thích hợp sinh trưởng của các loại cây trồng. Nhiều loại cây trồng không thể thích ứng kịp với sự thay đổi của thời tiết. Hiện tượng khô hạn, sa mạc hóa, cùng với việc mặn hóa, giảm lượng nước ngầm và sự dâng lên của nước biển làm cho diện tích đất canh tác ngày càng bị thu hẹp. Rủi ro tăng lên do lũ lụt bất thường. Những thay đổi trong phân bố nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp như trồng trọt và chăn nuôi. Các mối đe dọa từ việc tăng sâu bệnh và dịch bệnh do thay đổi trong phân bố sinh vật truyền bệnh (Phạm Thị Trâm và Nguyễn Song Tùng, 2010).

Diện tích gieo trồng bị thu hẹp, đất đồng bằng bị nhiễm mặn do BĐKH, nước biển dâng cao sẽ khiến cho nhiều vùng đất ven biển, khu vực đồng bằng bị nhiễm mặn, diện tích gieo trồng sẽ bị thu hẹp gây ra hiện tượng thiếu đất canh tác. Theo dự báo của Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC, 2007), nếu nước biển dâng lên 1 mét sẽ có khả năng ảnh hưởng tới 12% diện tích và 10% dân số Việt Nam, làm ngập 5.000 km² ở Đồng bằng Sông Hồng, và từ 15.000 km² đến 20.000 km² ở Đồng bằng Sông Cửu Long và hàng trăm ngàn héc ta ven biển miền Trung. Ước tính Việt Nam sẽ mất đi rất nhiều diện tích đất nông nghiệp. Đồng bằng Sông Cửu Long là vùng tạo ra 50% sản lượng lương thực và 40% giá trị nông nghiệp của cả nước. Tuy nhiên, Đồng bằng Sông Cửu Long được dự báo là vùng sẽ phải chịu tác động của BĐKH nhiều nhất và những tác động này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến an ninh lương thực của vùng cũng như toàn quốc.

Xâm nhập mặn vừa là kết quả của những hiện tượng thiên tai khác và đồng thời là nguyên nhân góp phần cùng các thiên tai khác ảnh hưởng không nhỏ đến toàn bộ đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân trong khu vực. Trong điều kiện diễn biến thời tiết khí hậu tiếp tục diễn biến bất thường và bất lợi như hiện nay, tình hình xâm nhập mặn có thể vẫn tiếp tục gia tăng và gây tác động xấu (UNDP, 2015).

Nhiệt độ tăng do BĐKH cũng khiến cho nhu cầu tưới nước cao và dẫn đến thiếu hụt nguồn nước sử dụng cho trồng trọt. Trong điều kiện nhiệt độ tăng lên 10°C thì nhu cầu tưới nước cho cây trồng sẽ tăng 10% làm cho năng lực tưới của các công trình thủy lợi như hiện nay không đáp ứng đủ (IPCC, 2007). Nhiệt độ tăng đồng thời cũng gây ra

dịch bệnh và các loại sâu hại phát triển tốt hơn trong điều kiện cung cấp nước tối ưu. Vì vậy sự ẩm lên toàn cầu có khả năng mở rộng sự phân bố các loại dịch bệnh và sâu hại trên cây trồng. Khí hậu đang có khuynh hướng ẩm hơn vào mùa đông có thể cho phép thời kỳ trũng của côn trùng sống qua mùa đông và kết quả gây nên dịch bệnh trong suốt mùa vụ gieo trồng.

2.2. Tác động của biến đổi khí hậu đến hoạt động chăn nuôi

Việt Nam có khoảng 72% dân số sống ở khu vực nông thôn và ngành chăn nuôi vẫn đang đóng một vai trò khá quan trọng trong nền kinh tế đất nước. Nhiệt độ tăng vào mùa hè dẫn đến nhu cầu nước cho vật nuôi tăng lên rõ rệt. Trong khi đó nguồn nước cung cấp không được đáp ứng một cách đầy đủ. BĐKH có thể làm giảm khả năng sinh trưởng và sản xuất của vật nuôi như giảm tăng trọng, sinh sản và sản xuất sữa (Rex và cộng sự, 2007) thông qua giảm chất lượng thức ăn và tăng nhiệt độ xung quanh. Ở Việt Nam, BĐKH kéo theo hiện tượng El Nino đã làm giảm đến 20 - 25% lượng mưa ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên, gây ra hạn hán không chỉ phổ biến và kéo dài mà thậm chí còn gây khô hạn. Thực tế tình hình nước nhiễm mặn và nhiễm phèn ở một số tỉnh Tây Nam Bộ đã làm khan hiếm nguồn nước ngọt cung cấp cho chăn nuôi. Theo một số nghiên cứu thì trong tương lai, ngành chăn nuôi không những thiếu nguồn nước cung cấp mà chi phí trả cho việc cung cấp nước cũng tăng lên và kéo theo chi phí sản xuất chăn nuôi tăng cao.

Nhiều nghiên cứu cho thấy BĐKH là nguyên nhân quan trọng dẫn đến dịch bệnh trên vật nuôi (Thornton và cộng sự, 2007; Thornton & Mario, 2008). BĐKH tác động không giống nhau đến các loại vật nuôi khác nhau. Các nghiên cứu cho thấy tùy theo hình thức biểu hiện của BĐKH đối với vật nuôi mà tác động có thể khác nhau. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến dịch bệnh của vật nuôi. Để chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa BĐKH và dịch bệnh vật nuôi là điều không dễ. Nhiệt độ thấp (rét đậm và rét hại) làm khan hiếm nguồn thức ăn cho vật nuôi đồng thời làm giảm khả năng đề kháng của cơ thể, tăng nguy cơ mắc bệnh từ đó gây chết vật nuôi. BĐKH làm cho khí hậu thay đổi thất thường, khi nhiệt độ tăng cao làm ảnh hưởng đến mức chịu đựng của một số loài, môi trường sinh thái xấu đi. Sự thay đổi này bao gồm thay đổi về đất đai, nguồn nước, thức ăn, đồng cỏ, hệ động thực vật, vi sinh vật (Hoffmann, 2008) tạo điều kiện cho một số vi sinh vật có hại gây bệnh cho vật nuôi. Thực tế cho thấy BĐKH khiến mầm bệnh gây hại cho vật nuôi có biến đổi khó lường, chẳng hạn vi khuẩn phẩy, một dạng mầm bệnh thường thấy ở vùng biển ấm, trở nên ngày càng phổ biến do nhiệt độ nước biển tăng. Các dịch bệnh nguy hiểm khác cũng đang gia tăng, tiềm ẩn nguy cơ gây thiệt hại cho ngành chăn nuôi. Trong khi đó người nghèo sống ở vùng cao không có khả năng tiếp cận được với các dịch vụ thú y dẫn đến bùng nổ dịch bệnh trên vật nuôi và kết quả tăng tỷ lệ chết gia súc, gia cầm (Gorforth, 2008). Khi dịch bệnh diễn ra, thị trường quay lưng lại với sản phẩm chăn nuôi. Điều này thêm một lần nữa gây thiệt hại lớn cho người

chăn nuôi. Nông dân nghèo có hoạt động chăn nuôi là những người có các hoạt động sinh kế dễ bị tổn thương nhất do BĐKH (Rex và cộng sự, 2007; Gorforth, 2008).

2.3. Tác động của biến đổi khí hậu đến hoạt động nuôi trồng thủy sản

Tại Việt Nam, rất nhiều mô hình nuôi trồng thủy sản ven biển đã được phát triển cho từng nhóm đối tượng có đặc tính phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của từng vùng. Hoạt động nuôi trồng thủy sản thường xuyên chịu tác động của thời tiết và thiên tai như nước biển dâng, nhiệt độ tăng, bão lũ, sóng lớn, triều cường và các hiện tượng thời tiết cực đoan khác. Những biểu hiện này của BĐKH có thể ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp lên nuôi trồng thủy sản (ở dạng đơn lẻ hay kết hợp) gây nhiều thiệt hại về kinh tế, xã hội cho cộng đồng người nuôi. Tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và cả nước nói chung, nghề nuôi tôm đang phải chịu ảnh hưởng nặng nề của những cơn mưa trái mùa với tần suất càng ngày càng tăng. Mưa lớn làm độ mặn của nước trong ao giảm đột ngột, vượt quá ngưỡng chịu đựng của tôm khiến tôm mất cân bằng, bị sốc và có thể chết hàng loạt. Lượng mưa thay đổi cũng làm thay đổi độ mặn và dòng chảy của các sông và cửa sông chính. Đối với khu vực Bắc Trung Bộ, nơi thường xuyên phải chịu tác động bất lợi của thời tiết và khí hậu, như hạn hán, bão, lũ lụt, gió Tây Nam khô nóng, nước biển dâng, thì việc gia tăng nhiệt độ và thay đổi lượng mưa gây ảnh hưởng nghiêm trọng cho việc nuôi trồng thủy sản tại đây. Những tác động bất lợi và tiêu cực của BĐKH nếu không có biện pháp can thiệp, sẽ đe dọa các mục tiêu tăng trưởng bền vững của ngành thủy sản.

Một số nghiên cứu khác cho thấy, BĐKH có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến nuôi trồng thủy sản thông qua nguồn nước, diện tích nuôi, môi trường nuôi, con giống, dịch bệnh... và qua đó gây ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng và cơ sở hạ tầng của các vùng nuôi trồng thủy sản nói chung và nuôi trồng thủy sản ven biển nói riêng.

Các hiện tượng thời tiết bất thường như bão lũ, hạn hán, nắng nóng hoặc giá rét kéo dài có thể tác động tiêu cực đến nguồn nước và sức đề kháng của các đối tượng nuôi, gây bùng phát dịch bệnh. Tại Việt Nam, khu vực ven biển là vùng bị tổn thương cao và cộng đồng những người nuôi trồng thủy sản ven biển quy mô nhỏ là một trong những đối tượng nhạy cảm nhất với BĐKH cả về mặt kinh tế, xã hội và năng lực thích ứng.

Tháng 1/2013, trong một công bố của Tổ chức DARA International về tính dễ bị tổn thương với BĐKH, Việt Nam được xếp ở mức báo động đỏ, là nước đứng đầu danh sách về mức thiệt hại thủy sản do BĐKH (Ngọc Thúy, 2014).

Nông nghiệp bấp bênh, khả năng chống chịu với thiên tai, dịch bệnh còn nhiều yếu kém, bất cập. Thiệt hại vật chất do thiên tai, dịch bệnh hàng năm khoảng 1% GDP, tác động chủ yếu vào nông nghiệp, thủy sản và người nông dân nghèo khó. Theo thống kê, nông dân chiếm 9% tổng số người nghèo trong cả nước, thu nhập bình quân đầu

người ở nông thôn chưa bằng một nửa khu vực thành thị nhưng đang đóng góp khoảng 20% GDP, trong khi nhà nước đầu tư cho nhóm ngành nông, lâm nghiệp – thủy sản chỉ khoảng 8,5% (chủ yếu cho thủy lợi phục vụ đa mục tiêu), đáp ứng được 17% nhu cầu phát triển (Tô Văn Trường, 2009).

3. Tác động của biến đổi khí hậu đến tình trạng di cư của người nông dân

3.1. Biến đổi khí hậu góp phần đẩy mạnh tình trạng di cư của người nông dân

Trong các yếu tố quyết định di cư, BĐKH có thể đóng vai trò thứ yếu hoặc gián tiếp (Chun và Sang, 2012, dẫn lại từ UNDP, 2014) hoặc tác động trực tiếp dưới hình thức ảnh hưởng đến sinh kế tùy theo khu vực bị ảnh hưởng bởi BĐKH (Vũ Minh Hải, 2012, dẫn lại từ UNDP, 2014). Ngay cả khi BĐKH không trực tiếp buộc người dân phải di dời nơi ở, nó có thể là nguyên nhân “làm cho người dân khó mà có thể trụ lại tại nơi mà họ đang sinh sống” (IOM, 2009a; IOM, 2009b; Nelson, 2010, dẫn lại từ UNDP, 2014).

BĐKH cũng tương tác với các động lực khác của di cư như động lực xã hội (giáo dục, gia đình/họ hàng), động lực chính trị (chính sách khuyến khích, ép buộc trực tiếp), động lực kinh tế (cơ hội việc làm, thu nhập), động lực nhân khẩu (quy mô, mật độ, cấu trúc dân số, các đặc điểm cá nhân/gia đình (tuổi, tình trạng hôn nhân...)).

Nghiên cứu của tổ chức CARE (2007) chỉ ra mối liên hệ giữa BĐKH và di cư thông qua yếu tố cư trú. Những ảnh hưởng gây ra bởi lũ lụt là một tác nhân góp phần dẫn đến tình trạng mất chỗ ở và di cư khỏi khu vực nông thôn ở đồng bằng sông Cửu Long tại Việt Nam.

Cũng theo nghiên cứu trên của CARE, một trong những nhân tố chính của tình trạng di cư là sự sụp đổ của các dạng sinh kế phụ thuộc vào hệ sinh thái. Nghiên cứu của Lê Anh Tuấn (2010) về mối liên hệ giữa BĐKH và di dân thông qua các tương tác với các yếu tố sinh thái, tài nguyên cho thấy, suy giảm diện tích canh tác, thiếu lương thực, nước sạch,... do tác động bởi BĐKH khiến nhiều người nghèo vùng nông thôn, vùng ven biển, vùng sâu đổ xô lên các vùng đô thị để bán sức lao động và làm các dịch vụ nhỏ. Một số người di cư do không thích nghi với cuộc sống đô thị sẽ quay trở lại khai thác các nguồn tài nguyên còn sót lại khiến nguồn tài nguyên ngày càng suy kiệt và làm trầm trọng thêm tình hình BĐKH.

Nhiều nhà khoa học và hoạch định chính sách nhất trí rằng, BĐKH đóng một vai trò gây ra di cư của người nông dân, nhưng “các yếu tố khác cũng vậy ví dụ như việc lâm phi nông nghiệp và bảo hiểm mùa vụ, thủy lợi, phân bón, hạt giống, chính sách hỗ trợ hạn hán, chương trình bảo vệ xã hội,...” (UNISDR, 2011), cách thức quản lý và khai thác tài nguyên thiên nhiên và phân bổ cơ hội kém, nợ nần và sức khỏe...

Nhìn chung, biến đổi khí hậu luôn là động lực dẫn đến di cư, con người phải di dời để sinh tồn trước thảm họa tự nhiên hoặc đối mặt với điều kiện môi trường khác

nghiệt và ngày càng xuống cấp nghiêm trọng, di dời để tìm kiếm cơ hội ở những miền đất khác. BĐKH sẽ dẫn đến nhiều cuộc di cư khác tiếp tục diễn ra (IOM, 2009b, dẫn lại từ UNDP, 2014).

3.2. Các loại hình di cư của nông dân do tác động bởi biến đổi khí hậu

Như vậy, di cư là một trong những cách ứng phó, thích ứng với BĐKH của người nông dân, đặc biệt khi sinh kế của họ vốn phụ thuộc chặt chẽ vào hệ sinh thái. Thông qua các tác động tiêu cực đến các mô hình sinh kế và hệ thống sản xuất, dịch vụ hệ sinh thái mà một cộng đồng sống phụ thuộc vào, BĐKH có thể dẫn đến các hình thức di cư khác nhau (IOM, 2009b, dẫn lại từ UNDP, 2014).

Theo Chun và Sang (UNDP, 2014), kết quả phân tích 188 cuộc khảo sát nông thôn và 200 cuộc khảo sát các hộ tái định cư tại hai tỉnh Long An và Đồng Tháp cho thấy tất cả các nhóm đối tượng được phỏng vấn đều trả lời rằng áp lực môi trường có “nhiều” tác động đến sinh kế của họ, và đó được coi như là nguyên nhân chính trong việc “đẩy” dòng di cư ở nông thôn, trong đó chủ yếu là nông dân đến các vùng có điều kiện phát triển tốt hơn, đặc biệt là khu vực đô thị.

Trong giai đoạn đầu và chuyển tiếp của các cú sốc và áp lực khí hậu, di cư là một giải pháp đa dạng hóa sinh kế. Di cư là một giải pháp thích ứng để giúp các đối tượng bị ảnh hưởng đối phó với tác động của BĐKH. Trong bối cảnh đó, di cư về bản chất thường có tính tạm thời hoặc thời vụ và sự trở về nhà thường là một sự lựa chọn phù hợp trong dài hạn. Tuy nhiên, trong trường hợp thay đổi không thể đảo ngược, ví dụ như nước biển dâng, thì di cư có tính chất lâu dài (IOM 2009a, dẫn lại từ UNDP, 2014).

Theo Warner (2013), có 4 loại hình di cư ứng phó với những biến động của thời tiết và bất ổn về sinh kế. Các hộ dân sử dụng di cư như là một biện pháp thích ứng, nâng cao khả năng chống chịu thì chuyển sang làm công việc thời vụ phi nông nghiệp tại các thành phố lớn. Những hộ không có nhiều lựa chọn để đa dạng hóa sinh kế, không có đất, học vấn thấp, thường sử dụng di cư tại chỗ như là giải pháp tồn tại. Theo một cách khác, các hộ dân thường di chuyển theo mùa vụ sang các vùng nông thôn khác và làm lao động nông nghiệp. Tuy nhiên, các hộ này sử dụng di cư như là biện pháp ứng phó với những biến động của thời tiết và bất ổn về sinh kế ở khía cạnh tồn tại nhưng không phát đạt. Một phương thức khác đảm bảo sự an toàn là các hộ dân thường di dời trong thời kỳ khó khăn để đáp ứng các nhu cầu cơ bản.

Khi xem xét các dòng dịch chuyển dân cư do hậu quả của BĐKH, Warner (2010) phân tích các hiện tượng khí hậu có khởi đầu dồn dập và chậm chạp dẫn đến di cư “bắt buộc” hoặc “tự nguyện” như thế nào dựa vào các khả năng tìm kiếm sinh kế thay thế tại các vùng bị ảnh hưởng hoặc khả năng phục hồi kinh tế xã hội và tự nhiên của vùng bị ảnh hưởng (UNDP, 2014). Tuy nhiên, “việc phân biệt rạch ròi giữa trường hợp di cư “bắt buộc” hay “tự nguyện” vì môi trường là điều rất khó. Do vậy, di cư do môi trường

tốt nhất nên được hiểu theo hướng đó là sự tiếp nối từ các trường hợp di cư bắt buộc rõ ràng đến các trường hợp di cư tự nguyện rõ ràng với một vùng xám ở giữa” (Hugo, 1996; IOM, 2009c, dẫn lại từ UNDP, 2014).

3.3. Biến đổi khí hậu làm gia tăng tính dễ tổn thương của nhóm nông dân di cư

Như đã phân tích ở trên, BĐKH tác động đến các nhóm xã hội khác nhau, và nhóm xã hội dễ bị tổn thương nhất là nông dân di cư. Ở góc độ cư trú, người nông dân di cư dễ bị tổn thương nhất bởi tác động của BĐKH. Họ không có hoặc có rất ít nguồn lực để có thể chống chọi lại những cú sốc về kinh tế cũng như không thể chủ động đưa ra quyết định, và thiếu tiếp cận đến những dịch vụ xã hội thiết yếu, cơ sở hạ tầng và thông tin cần thiết để giúp họ thích ứng với sự BĐKH (UNDP, 2002). Có nghiên cứu cho thấy các tác động của BĐKH đối với người dân ở vùng ven biển, trong đó có vấn đề về cơ sở hạ tầng, nhà ở và tái định cư (Trần Thọ Đạt và Vũ Thị Hoài Thu, 2012).

“Điều đáng nói là, ngay cả khi các hộ nông dân sử dụng di cư như là một giải pháp quan trọng để ứng phó, thích ứng trước những tác động tiêu cực của BĐKH, có thể dẫn đến những tổn thương mới hoặc tổn thương lớn hơn đối với những người di cư ở nơi họ đến, những thành viên gia đình ở lại” (IOM, 2012, dẫn lại từ UNDP, 2014).

BĐKH làm gia tăng tính dễ tổn thương của những nông dân di cư. Họ thường gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản tại nơi mới đến, trong đó có điều kiện ăn ở (phải thuê nhà, sinh sống trong những ngôi nhà tạm bợ, thiếu nước sạch), chăm sóc sức khỏe, giáo dục,... Người di cư chủ yếu làm việc trong khu vực phi chính thức, việc làm không ổn định và thiếu các bảo vệ về sức khỏe, thất nghiệp. Tác động thực sự đối với các cộng đồng di dời sẽ chỉ được đánh giá dựa trên những nơi họ có thể định cư và họ nhận được như thế nào. Đối với các cộng đồng sở tại, tác động của BĐKH liên quan đến di cư được dự kiến sẽ ảnh hưởng tới tất cả các yếu tố có thể kể tên như sức khỏe, việc làm, nhà cửa và giáo dục (UNISDR, 2011).

Di cư có thể gây ra những ảnh hưởng bất lợi cho nơi nhập cư vì những áp lực lên cơ sở hạ tầng và tình trạng việc làm. Ở khía cạnh khác, BĐKH không chỉ ảnh hưởng tới khả năng dễ tổn thương của một cộng đồng mà việc di dời của họ có thể gây ra những tác động làm thay đổi chiến lược sống của các cộng đồng láng giềng (Trần Thọ Đạt và Vũ Thị Hoài Thu, 2012).

3.4. Ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu của người nông dân

Di cư có thể là một giải pháp quan trọng góp phần đa dạng hóa thu nhập và cải thiện năng lực chung cho hộ dân và cộng đồng để ứng phó và giảm nhẹ các tác động tiêu cực của BĐKH (IOM, 2010, dẫn lại từ UNDP, 2014). Theo Nguyễn Công Thảo (2012), nghiên cứu của CARE tại tỉnh Đồng Tháp, BĐKH ảnh hưởng đến hoạt động sinh kế, nhất là đối với những hộ không có đất và dễ bị tổn thương. Một biện pháp ứng phó với tình trạng lũ lụt và thiếu đất sản xuất của người nông dân là di dời để tìm kiếm

cơ hội ở những miền đất khác, những “cánh đồng xanh hơn”, nhất là đến các khu công nghiệp và thành phố Hồ Chí Minh (UNDP, 2014).

Di cư được xem là một chiến lược thích nghi hiệu quả với BĐKH, giúp mọi người chuẩn bị và phục hồi sau các tác động của sự BĐKH (CARE, 2007; UNISDR, 2011). Tuy nhiên, không phải cá nhân hay hộ nông dân di cư nào cũng có thể ứng phó, phục hồi và thích nghi với những những hậu quả tiêu cực từ BĐKH một cách hiệu quả, đặc biệt là nông dân nghèo do “họ có ít nguồn lực hơn cho việc tái thiết cuộc sống của họ sau thiên tai” (UNDP, 2002). Ở góc nhìn này, di cư vẫn thường được xem là kết quả của sự thất bại trong các chính sách phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn hơn là minh chứng cho sự thích ứng thành công đối với BĐKH. Cách xem xét di cư như là kết quả của sự thất bại trong ứng phó, thích nghi với BĐKH của cộng đồng nông thôn, trong đó chủ yếu là người nông dân như trên đã dẫn đến việc nhóm xã hội này nhận được rất ít hỗ trợ để di dời khỏi khu vực bị tác động bởi BĐKH hay tại các khu định cư mới (nơi đến). Các chính sách hạn chế di cư trong một thời gian dài của Chính phủ chỉ làm trầm trọng thêm tình hình, ngay cả sau đó, chúng dần được nới lỏng hơn. Người di cư gặp nhiều khó khăn trong việc thích ứng với BĐKH tại nơi họ di cư đến từ việc tạo sinh kế cho đến những khó khăn trong việc hạn chế tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như chăm sóc sức khỏe, giáo dục, nhà ở,... Những nông dân di cư thuộc các nhóm dễ bị tổn thương như người nghèo, người dân tộc thiểu số,... là những người chịu ảnh hưởng nặng nề hơn cả. Họ có thể bị đẩy tới sinh sống ở các khu vực dễ bị tổn thương và vòng luẩn quẩn giữa di cư với BĐKH có thể tái diễn. Di cư cần được các nhà hoạch định chính sách xem như là một giải pháp thích ứng hơn chỉ là giải pháp đối phó với BĐKH, qua đó có các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho nông dân di cư cả nơi đến và nơi đi.

Mặc dù vậy, theo Warner (2013), không phải hộ dân nào cũng thích ứng được với những tác động tiêu cực sự biến đổi của khí hậu thông qua hình thức di cư, những hộ này bị “mắc kẹt” ở lại. Một trong những cách thức ứng phó và thích ứng với BĐKH của người nông dân ở lại trong bối cảnh trên là sử dụng tri thức bản địa trong sinh sống, canh tác. Chẳng hạn, ở Đồng bằng sông Cửu Long, người nông dân “thuận theo tự nhiên để ứng phó với BĐKH” theo cách “hòa mình và thực sự thờ cùng nhịp thở của hệ thống sông ngòi, kênh rạch cũng như các nhịp điệu mùa của tự nhiên”, “tìm cách chung sống thỏa hiệp dưới tác động của nó (BĐKH)” thông qua việc phát triển các mô hình nông nghiệp sinh thái thân thiện với môi trường, phù hợp với điều kiện tự nhiên của vùng (Bảo Minh, 2013).

5. Kết luận

BĐKH một trong những yếu tố góp phần ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và di cư của người nông dân bên cạnh các nguyên nhân kinh tế - xã hội khác. Nông dân là nhóm xã hội dễ bị tổn thương nhất bởi tác động của BĐKH do họ sống và canh tác nông nghiệp ở khu vực nông thôn, nơi dễ xảy ra những ảnh hưởng của BĐKH. Sinh kế của

người nông dân bị ảnh hưởng do áp lực từ BĐKH là một trong những yếu tố thúc đẩy quá trình di cư của người nông dân đang tăng dần.

BĐKH làm gia tăng tính dễ tổn thương của những nông dân di cư tại nơi họ đến bao gồm những khó khăn trong tiếp cận các dịch vụ xã hội như chăm sóc sức khỏe, tìm kiếm việc làm, giáo dục, nước sạch, điều kiện ăn ở, vệ sinh... đặc biệt trong bối cảnh Chính phủ xem xét di cư của người dân như là một giải pháp ứng phó tạm thời và trung hạn với sự tác động của BĐKH hơn là việc thích ứng về mặt dài hạn và do đó ít có những chính sách hỗ trợ cho những người di cư cả ở nơi đi và nơi đến.

Vai trò của di cư như là một chiến lược thích ứng khả dĩ của người nông dân với BĐKH thông qua việc góp phần đa dạng hóa thu nhập, nâng cao khả năng chống chịu cho các hộ nông dân, giúp các hộ nông dân chuẩn bị và phục hồi sau các tác động tiêu cực của sự biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, BĐKH là một thách thức đối với những nỗ lực thích ứng của người nông dân, nhất là đối với những đối tượng dễ bị tổn thương như nông dân nghèo, nông dân là người dân tộc thiểu số..., khả năng thích ứng kém của các nhóm này được bộc lộ rõ, nhất là trong bối cảnh thiếu sự hỗ trợ cần thiết từ cộng đồng, nhà nước. Tình trạng di cư của nông dân do ảnh hưởng bởi BĐKH có thể nảy sinh những tổn thương mới hoặc làm trầm trọng thêm tính tổn thương của chính họ hay tạo nên những áp lực mới về cơ sở hạ tầng, việc làm, an sinh xã hội... tại nơi mới đến. Đây được xem là cách nhìn về sự thất bại của di cư trong việc ứng phó, thích nghi với BĐKH của cộng đồng nông thôn và hạn chế các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho người nông dân di cư cả ở nơi đi và nơi đến.

Với hơn 70% dân cư là nông dân, hoạt động sản xuất nông nghiệp của người nông dân phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên. Trong khi đó, sản xuất nông nghiệp chủ yếu dựa vào các hộ cá thể, quy mô nhỏ, trình độ khoa học kỹ thuật thấp. Đó là một thách thức lớn đối với Việt Nam trong bối cảnh BĐKH. Những tác động tiêu cực của BĐKH đã và đang gây ra những hậu quả nặng nề cho nền sản xuất nông nghiệp, làm ảnh hưởng đến đời sống và sinh kế của người nông dân. Do đó, việc phòng chống và ứng phó hiệu quả đối với các hiện tượng BĐKH đòi hỏi phải có những giải pháp phù hợp cả trước mắt và lâu dài trong việc xây dựng, phát triển sinh kế bền vững, giảm thiểu mức độ tổn thương cho người nông dân. Các giải pháp bao gồm việc nâng cao nhận thức của người nông dân về BĐKH, huy động các tổ chức chính trị xã hội tham gia vào hoạt động phòng chống thiên tai,... đặc biệt, cần xây dựng mô hình sinh kế đa dạng, bền vững cho người nông dân. Bên cạnh đó, các giải pháp cũng cần chú ý đến việc lồng ghép vấn đề BĐKH vào chương trình Nông thôn mới hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Bảo Minh. 2013. Thuận theo tự nhiên để ứng phó với biến đổi khí hậu. (<http://www.dmhcc.gov.vn/tin-tuc/2212/Thuan-theo-tu-nhien-de-ung-pho-voi-bien-doi-khi-hau.html>, Truy cập ngày 15/9/2013).
- Bộ Tài nguyên và Môi trường. 2008. Chương trình Mục tiêu quốc gia về biến đổi khí hậu.
- Care, Oxfam, World Vision. 2010. Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.
- CARE. 2007. Tìm kiếm nơi trú ẩn: Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu lên tình trạng di cư và mất chỗ ở của con người.
- Chun, Jane, và Lê Thanh Sang. 2012. Nghiên cứu và Đối thoại chính sách về biến đổi khí hậu, di cư và tái định cư tại Việt Nam. Báo cáo cuối cùng. UN Việt Nam, Hà Nội.
- DFID. 1999. *Sustainable livelihoods guidance sheets*. Consulted October 18th, 2009.
- Dự án Bảo vệ và Phát triển những vùng đất ngập nước ven biển Miền Nam Việt Nam. 2006. *Báo cáo phân tích kinh tế - xã hội*.
- Hugo, G., 1996. Environmental concerns and international migration, *International Migration Review, Special Issue: Ethics, Migration and Global Stewardship*, 30(1): 105-131
- IDMC (Internal Displacement Monitoring Centre). 2013. *Global Estimates 2012: People displaced by disasters*. IDMC and Norwegian Refugee Council.
- IOM, 2009a. *Compendium of IOM's Activities in Migration, Climate Change and the Environment*. Geneva.
- IOM, 2009b (Frank Laczko & Cristine Aghazarm, eds.) *Migration, Environment and Climate Change: Assessing the Evidence*. Geneva.
- IOM, 2009c. *Migration, Climate Change and the Environment*. Policy brief, Geneva.
- IOM, 2010. *Disaster Risk Reduction, Climate Change Adaptation and Environmental Migration: a Policy Perspective*. Geneva.
- Trần Thọ Đạt, Vũ Thị Hoài Thu. 2012. Biến đổi khí hậu và sinh kế ven biển. Bài viết trong *Diễn đàn Phát triển Việt Nam*. Nhà xuất bản Giao thông Vận tải, Hà Nội.
- Gorforth CJ. 2008. Impacts on livelihoods, Livestock and global climate change.
- Hoffmann. 2008. Livestock Genetic diversity and Climate Change Adaptation.
- Minh Huệ (theo Báo Trí thức trẻ). 2014. Các tai họa con người phải hứng chịu do biến đổi khí hậu. (<http://kenh14.vn/kham-pha/cac-tai-hoa-con-nguoi-phai-hung-chiu-do-bien-doi-khi-hau-2014061508048567.chn>, Truy cập ngày 16/ 6/2014).
- Nelson, Valerie, 2010. *Climate Change and Migration: a Framework for Analysis*. Natural Resources Institute, University of Greenwich
- IPCC. 2007. *Climate Change 2007*.
- Rex VC, Hideo H, Murari L & Shaohong W. 2007. *IPCC Impacts, adaptations and vulnerability, Chapter 10 – Asia*.
- Thornton P. & Mario H. 2008. *Climate change, vulnerability and livestock keepers: challenges for poverty alleviation Livestock and global climate change*, 21-24.
- Thornton P., Herrero M., Freeman A., Mwai O., Rege E., Jones P. & McDermott J. 2007. *Vulnerability, Climate change and Livestock—Research Opportunities and Challenges for Poverty Alleviation*.
- Ngọc Thủy. 2014. *Tác động của biến đổi khí hậu đến nuôi trồng thủy sản ven biển*. (<http://www.fisnet.gov.vn/e-nuoi-trong-thuy-san/b-nuoi-thuy-san/tac-dong-cua-bien-doi-khi-hau-111en-nuoi-trong-thuy-san-ven-bien/>, Truy cập ngày 15 tháng 7 năm 2014).
- Tô Văn Trường. 2009. *Tác động của biến đổi khí hậu đến an ninh lương thực quốc gia*, Ban chủ nhiệm chương trình trọng điểm cấp nhà nước KC08/06-10.

- Lê Anh Tuấn. 2010. Tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng lên tính đa dạng sinh học và xu thế di dân vùng ven biển bán đảo Cà Mau. Trong Hội thảo khoa học: "Bảo tồn các giá trị dự trữ sinh quyển và hỗ trợ cư dân vùng ven biển". Cà Mau.
- Phạm Thị Trâm, Nguyễn Song Tùng. 2010. *Nghiên cứu dự báo tác động biến đổi khí hậu giai đoạn 2011-2020 và đề ra giải pháp ứng phó nhằm phát triển bền vững ở Việt Nam*. Báo cáo đề tài cấp Bộ.
- UNDP. 2002. Localizing MDGs for Poverty Reduction in Viet Nam: Ensuring Environmental Sustainability.
- UNDP. 2014. Di cư, tái định cư và biến đổi khí hậu tại Việt Nam: Giảm nhẹ mức độ phơi bày trước hiểm họa và tổn thương từ khí hậu cực đoan thông qua di cư tự do và di dân theo định hướng. Hà Nội.
- UNDP. 2015. *Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về quản lý rủi ro thiên tai và các hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu*. NXB Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam.
- UNISDR. 2011. Biến đổi khí hậu và sự di cư: bằng chứng mới nhất - Eurasylum phỏng vấn Margareta Wahlstrom. (<http://www.dmc.gov.vn/tabid/92/language/vi-VN/item/193/Default.aspx>, Truy cập ngày 13 tháng 9 năm 2011).
- Vũ Minh Hải. 2012. Biến đổi khí hậu, giới và di cư. Bài tham luận của Oxfam trong kỷ yếu hội thảo: Thích ứng với biến đổi khí hậu tại Đồng bằng sông Cửu Long (CTU, IOM và UNDP). Đại học Cần Thơ, 4-5/6/2012.
- Warner, K., 2010. Global environmental change and migration: Governance challenges. *Global Environmental Change*, Vol. 20 (3): 402-413
- Warner, K., 2013. Enhancing adaptation options and managing human mobility in the context of climate change: role of the United Nations Framework Convention on Climate Change. In *Climate Change: International Law and Global Governance*. Volume 2: Policy, Diplomacy and Governance in a Changing Environment (Ruppel, O.C., Roschmann, C., and Ruppel-Schiliching, K., eds.). Nomos, Germany, page 761-784.